

Bản án số:53/2023/DS-PT
Ngày: 21 - 02 - 2023
V/v “Tranh chấp nợ hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hiền
Ông Đặng Minh Trung
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thúy Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp nợ hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 257/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Lan N, sinh năm 1987.
Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Ông Nguyễn Thanh Đăng, sinh năm 1952 (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2023) (có mặt)
Cùng địa chỉ: Số 11, Rạch Rập, khóm 1, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau .

2. *Bị đơn:* Chị Lương Thị H, sinh năm 1979 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện T, tỉnh C ..
- Người kháng cáo: chị Lương Thị H là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị N có tham gia các dây hui do chị H làm chủ hui cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Hui mở ngày 10/5/2020 âm lịch, hui 3.000.000 đồng, có 18 kỳ, một tháng khai một lần. Chị N tham gia 02 phần, ở vị trí tên “Nhi” trong danh sách hui. Đến kỳ hui thứ 10 chị N hốt một phần được 42.300.000 đồng. Do chị H không giao đủ tiền cho chị N nên hai bên thỏa thuận trừ vào tiền hui chết của phần

hội này, hai bên đã thanh toán xong. Chị H đã đình hội vào ngày 10/02/2021 âm lịch. Đối với phần hội sống chị N đã đóng được 09 kỳ với tổng số tiền thực đóng 19.860.000 đồng, cụ thể:

Ngày 10/5/2020 âm lịch (kỳ thứ nhất) đóng hội 2.400.000 đồng
 Ngày 10/6/2020 âm lịch (kỳ thứ hai) đóng hội 2.050.000 đồng
 Ngày 10/7/2020 âm lịch (kỳ thứ ba) đóng hội 2.140.000 đồng
 Ngày 10/8/2020 âm lịch (kỳ thứ tư) đóng hội 2.300.000 đồng
 Ngày 10/9/2020 âm lịch (kỳ thứ năm) đóng hội 2.300.000 đồng
 Ngày 10/10/2020 âm lịch (kỳ thứ sáu) đóng hội 2.180.000 đồng
 Ngày 10/11/2020 âm lịch (kỳ thứ bảy) đóng hội 2.150.000 đồng
 Ngày 10/12/2020 âm lịch (kỳ thứ tám) đóng hội 2.200.000 đồng
 Ngày 10/01/2021 âm lịch (kỳ thứ chín) đóng hội 2.140.000 đồng

- Dây hội thứ hai: Hội mở ngày 29/9/2020 âm lịch, loại hội 3.000.000 đồng, gồm 18 phần, chị N tham gia một phần đã đóng được 03 kỳ, dây hội này chị H đã đình hội vào ngày 20/12/2020 âm lịch tổng số tiền chị N thực đóng 6.670.000 đồng cụ thể:

Ngày 29/9/2020 âm lịch (kỳ thứ nhất) đóng hội 2.400.000 đồng
 Ngày 29/10/2020 âm lịch (kỳ thứ hai) đóng hội 2.100.000 đồng
 Ngày 29/11/2021 âm lịch (kỳ thứ ba) đóng hội 2.170.000 đồng

Chị H đã nợ chị N tổng số tiền của hai dây hội trên là 26.530.000 đồng. Do chị H đình hội nên chị N yêu cầu chị H phải trả cho chị N số tiền đã đóng hội là 26.530.000 và tính lãi suất số tiền chị N đã đóng hội cho chị H từ ngày các dây hội trên đình hội đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất của nhà nước là 1.66%/tháng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 257/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Lan N đối với chị Lương Thị H.

Buộc chị Lương Thị H trả cho chị Trần Thị Lan N số tiền 35.559.404 đồng (Ba mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn, bốn trăm lẻ bốn đồng).

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/11/2022, chị Lương Thị H kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Đến ngày 08/11/2022, bà H kháng cáo bổ sung, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng chị H đồng ý thanh toán cho chị N số tiền 28.800.000 đồng nhưng không đồng ý trả lãi.

Tại phiên toà phúc thẩm: Chị H thay đổi yêu cầu kháng cáo, chị H chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chị đồng ý thanh toán cho chị N số tiền 28.800.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Đồng thời chị có ý kiến tranh luận, khi chị tuyên bố đình hui, giữa chị và chị N đã có văn bản thỏa thuận tính mỗi kỳ hui sống của chị N là 2.400.000đ, tổng số tiền nợ hui là 28.800.000đ, không tính lãi. Giấy thỏa thuận bên chị N giữ. Nay chị yêu cầu thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận giữa chị và chị N.

Ông Nguyễn Thanh Đăng tranh luận: Chị N không có thỏa thuận với chị H việc tổng nợ số tiền 28.800.000đ, chị N cũng không có giữ tờ thỏa thuận như lời chị H trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu:
Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của chị H, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời về thời gian tính lãi hui.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị N khởi kiện yêu cầu chị H thanh toán số tiền nợ hui là 26.530.000 đồng và tính lãi 1,66%/tháng từ ngày đình hui đến ngày xét xử sơ thẩm. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N nên chị H kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N có tham gia các dây hui do chị H làm chủ hui, cụ thể: Dây hui mở ngày 10/5/2020 âm lịch, loại hui 3.000.000 đồng, có 18 kỳ, tháng khui một lần. Chị N tham gia 02 phần, chị N hốt một phần ở kỳ hui thứ 10 được số tiền 42.300.000 đồng, hui sống chị N đã đóng được 09 kỳ với tổng số tiền 19.860.000 đồng. Dây hui mở ngày 29/9/2020 âm lịch, loại hui 3.000.000 đồng, có 18 phần, chị N tham gia một phần đã đóng được 03 kỳ với số tiền 6.670.000 đồng. Tổng hai dây hui của hai phần hui sống chị N đã đóng được số tiền là 26.530.000 đồng thực tế có xảy ra, được các đương sự thừa nhận.

[3] Qua các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: chị H còn nợ lại chị N số tiền thực tế đã đóng các kỳ hui là 26.530.000 đồng. Chị H cho rằng giữa chị và chị N có hui sống và hui chết nên khi đình hui có thỏa thuận bằng văn bản việc hui sống hay hui chết đều tính mỗi một kỳ đóng là 2.400.000 đồng nên 02 phần hui sống của chị N, chị H còn nợ lại số tiền 28.800.000 đồng, không tính lãi, giấy thỏa thuận do chị N giữ nên chị H không giao nộp được cho Tòa án. Người đại diện theo ủy quyền của chị N không thừa nhận có việc thỏa thuận như chị H trình bày. Do đó không có căn cứ xác định có việc thỏa thuận nợ hui như lời trình bày của chị H, trường hợp chị H có chứng cứ

chứng minh đã đối trừ phần hội chết của chị N thì chị H có quyền khởi kiện chị N để yêu cầu trả lại phần tiền chênh lệch. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị N đối với số tiền thực tế đã đóng hội là 26.530.000 đồng và tính lãi theo mức lãi suất không vượt quá 20%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Tuy nhiên, án sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày của các đương sự là ngày âm lịch để tính tiền lãi là chưa chính xác, cụ thể: Dây hội mở ngày 10/5/2020 âm lịch, đình hội từ ngày 10/02/2021 âm lịch, tức là ngày 22/3/2021 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là 18 tháng 08 ngày : $19.860.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 5.934.000 \text{ đồng}$ và 08 ngày là 87.000 đồng.

Phần hội của dây hội ngày 29/12/2020 âm lịch, đình hội vào ngày 20/12/2020 tức ngày 01/02/2021 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là 20 tháng: $6.670.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 2.214.000 \text{ đồng}$. Như vậy, tổng số tiền chị H có nghĩa vụ trả cho chị N là 34.765.000 đồng (trong đó số tiền thực đóng 26.530.000 đồng, lãi 8.235.000 đồng).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị H, sửa án sơ thẩm về số tiền lãi chị H phải đóng theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị H không phải chịu, chị H đã nộp tạm ứng nên được nhận lại.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của chị Lương Thị H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 257/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Lan N đối với chị Lương Thị H. Buộc chị Lương Thị H trả cho chị Trần Thị Lan N số tiền 34.765.000 đồng.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Trần Thị Lan N không phải chịu, ngày 22/6/2022 chị N đã dự nộp 663.000 đồng tiền tạm ứng án phí, biên lai thu số 0005014 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Chị Lương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.738.000 đồng (chưa nộp).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lương Thị H không phải chịu. Ngày 16 tháng 11 năm 2022, chị H đã dự nộp 300.000đ, biên lai số 0005727 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào